

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST

Ngày 04 tháng 4 năm 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lê Văn Đô

2, Ông Nguyễn Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-DS ngày 28/02/2023: Quyết định hoãn phiên tòa số 33/QĐST-DS ngày 17/3/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T- Sinh năm 1954 (Có mặt).

Cư trú: Tổ dân phố Đức Th, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Vũ Thị M- Sinh năm 1970 (Có mặt).

Cư trú: thôn Nam Đ, xã Danh Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị H- Sinh năm 1957 (Có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Tổ dân phố Đức Th, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Ông Trần Văn H- Sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Cư trú: thôn Nam Đ, xã Danh Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Giữa ông và chị Nguyễn Thị Mai, cư trú: xóm Phúc Thái, thôn Nam Đ, xã Danh Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là chỗ quen biết. Ngày 21/01/2015 chị Vũ Thị M có hỏi vay ông tiền, do không có tiền ông có vay của ông Nguyễn Trọng Thái là người cùng thôn số tiền là 10.000.000 đồng để cho chị Mai vay, giữa ông và ông Thái có làm giấy biên nhận vay tiền, cùng ngày chị Mai đến nhà ông, ông có cho chị Mai vay số tiền 10.000.000 đồng mà ông vừa vay của ông Thái, việc vay tiền giữa ông và chị Mai không làm giấy biên nhận vay tiền, nhưng có thỏa thuận cuối tháng thì chị Mai trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng và lãi suất thảo thuận là 1,5% trên tháng, chị Mai ký vào bên vay ngay phần phía dưới của giấy vay tiền giữa ông và ông Thái và có ghi “em Mai hẹn cuối tháng trả anh Tà tiền”.

Đến thời hạn chị Mai không trả ông Tiền, ông có đến gia đình chị Mai đòi tiền nhiều lần, nhưng chị Mai cứ khất, không trả cho ông, nay ông yêu cầu chị Vũ Thị M trả cho ông số tiền đã vay là 10.000.000 đồng gốc và trả cho ông tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận là 1.5%/ 01 tháng, tính từ ngày vay 21/01/2015 đến ngày xét xử tròn là 96 tháng, ông xác định chỉ cho chị Mai vay tiền, chồng chị Mai là ông Trần Văn H không biết và không liên quan, ông không yêu cầu anh Hải phải trả nợ cùng.

Tại phiên tòa ông vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày là chị Mai vay ông số tiền 10.000.000 đồng, về tiền lãi ông yêu cầu lãi suất là 10%/ năm, tính từ ngày vay 21/01/2015 đến ngày xét xử tròn là 96 tháng = 8.000.000 đồng. Tổng số tiền ông yêu cầu bà Mai phải trả cho gia đình ông là 18.000.000 đồng.

* Đối với bị đơn chị Vũ Thị M; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn H, Tòa án đã giao trực tiếp cũng như gửi các văn bản tố tụng cho chị Mai, anh Hải theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự, đã tổng đạt hợp lệ nhưng cả chị Mai và anh Hải không đến Tòa án để làm việc và không có bản khai gửi cho tòa án.

Đến ngày 03/3/2023 Tại biên bản ghi lời khai có sự chứng kiến của trưởng thôn Nam Đ thì bà Mai Trình bày. Bà và ông Nguyễn Văn T là chỗ quen biết, ngày tháng năm bà không nhớ do đã lâu, bà có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 6.000.000 đồng, có hẹn một tháng sau thì trả, đến hạn do kinh tế khó khăn bà không trả được ông T một lần, nhưng bà có trả cho ông T được hai lần, lần một bà trả được 1.000.000 đồng, lần hai bà trả được số tiền là 2.000.000 đồng, khi trả bà không làm giấy tờ gì, không có ai chứng kiến. Bà xác định hiện chỉ còn nợ ông T số tiền là 6.000.000 đồng.

Bà thừa nhận chữ ký trong giấy biên nhận vay tiền ghi bên vay Vũ Thị M trong giấy biên nhận vay tiền đề ngày 21/01/2015 giữa ông T và ông Thái là chữ ký của bà và chữ viết ở phía dưới “ Em Mai hẹn cuối tháng trả anh T tiền” là đúng do bà viết. Tuy nhiên bà xác định bà chỉ vay 6.000.000 đồng, không phải 10.000.000 đồng như ông T đã khởi kiện. Nay bà xác định bà chỉ nợ ông T 3.000.000 đồng, bà đồng ý trả và đồng ý trả lãi theo lãi suất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà khai: Bà xác định có vay ông T 10.000.000 đồng như ông T trình bày là đúng, bà xác định còn nợ ông T 10.000.000 đồng, đến nay ông T có đơn khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền vay, quan điểm của bà là đồng ý trả, nhưng xin được trả dần.

Về tiền lãi: bà xác định không thỏa thuận về lãi, nay ông T yêu cầu lãi suất 10 %/năm thì bà đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn T.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T

+ Buộc bà Vũ Thị M phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/01/2015 đến ngày xét xử tính tròn là 96 tháng = 8.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Mai phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Vũ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông Nguyễn Văn T thuộc đối tượng người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H được tòa án triệu tập họp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên, là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Vũ Thị M trả khoản tiền vay là 10.000.000 đồng. Các bên có giao kết bằng văn bản, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463- Bộ luật dân sự). Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Vũ Thị M trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn ông T và Bị đơn chị Mai và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định: Giữa ông T và chị Mai là chỗ quen biết và có quan hệ vay tiền với nhau. Theo như ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn T thì ông có cho chị Vũ Thị M vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền trên ông không có, mà ông vay của ông Thái cùng thôn để cho bà Mai vay, việc vay tiền giữa ông và bà Mai không làm giấy tờ gì, nhưng chị Mai có ký vào phía dưới giấy biên nhận vay tiền mà ông vay của ông Thái và bà Mai có ghi “ Nợ anh T Tiền, hẹn đến cuối tháng trả”.

Bà Vũ Thị M tại biên bản ghi lời khai xác định có vay ông T tiền ngày tháng năm vay do đã lâu bà không nhớ, số tiền là 6.000.000 đồng, bà đã trả cho ông T được 3.000.000 đồng, hiện nay bà chỉ còn nợ 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Mai xác định có vay ông T 10.000.000 đồng, và thừa nhận còn nợ ông T số tiền 10.000.000 đồng, ông T khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền nợ, bà đồng ý, nhưng bà xin được trả dần. Như vậy có thể khẳng định bà Vũ Thị M vay tiền của ông

Nguyễn Văn T và hiện còn nợ vợ chồng ông Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng là có thật. Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu khởi kiện bà Vũ Thị M là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Đối với ông Trần Văn H là chồng của bà Vũ Thị M, ông Hải không ký nhận trong giấy biên nhận vay tiền, bà Mai xác định một mình bà vay, chồng bà không biết, không liên quan, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu một mình bà Mai phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi đã vay, do đó cần xác định đây là công nợ riêng của bà Vũ Thị M.

Đối với yêu cầu về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bà Vũ Thị M phải trả lãi suất là 10%/ năm, bà Mai đồng ý trả lãi xuất theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi xuất là 10% trên năm là phù hợp. Do vậy bà Vũ Thị M phải chịu tiền lãi suất của số tiền chưa thành toán như sau.

$10.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 96 \text{ tháng} = 8.000.000 \text{ đồng}.$

[5]- Về án phí:

- Bà Vũ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

+ Buộc bà Vũ Thị M phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H tổng số tiền là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Trong đó (số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 8.000.000 đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Vũ Thị M phải chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T thuộc đối tượng người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Thanh Thuần

